

NGHỊ QUYẾT

**Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng
sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP
ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 1872/TTr-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương
chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng
Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của
các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục
đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình để thực hiện 10 công trình, dự án, với
tổng diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng là 89,65855 ha, gồm:
10,71185 ha rừng phòng hộ, 19,28153 ha rừng sản xuất và 59,66517 ha rừng
ngoài quy hoạch 3 loại rừng (theo quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực
hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội

đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 25 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình,
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.



Trần Hải Châu



Phụ lục:
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
TREN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số ~~208~~ **208** /NQ-HĐND ngày **25/10/2024** của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

TT	Tên công trình/ dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị CMĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (ha)	Diện tích có rừng được chuyển MĐSDR (ha)	Loại rừng (ha)					Nguồn gốc hình thành rừng	Diện tích chưa có rừng (ha)	Diện tích rừng không thuộc đối tượng CMĐSDR (ha)	Địa điểm
					Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng phòng hộ	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng				
1	Dự án xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn	UBND thị xã Ba Đồn	4,66571	3,11617	0,00638		3,10979			Rừng trồng	1,54954		Phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng phía Bắc Lèn Đút Chân, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa	Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Nam	49,9	29,92865				0,10692	29,82173	Rừng tự nhiên	19,97135		Xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa
3	Dự án khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	8,44975	8,44975				8,44975		Rừng trồng			Xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh
4	Dự án đường từ bản Điêu Đo đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Bình	20,96551	18,69355	10,48677	8,20678				Rừng tự nhiên	2,27196		Xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh

TT	Tên công trình/ dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị CMĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (ha)	Diện tích có rừng được chuyên MĐSDR (ha)	Loại rừng (ha)					Nguồn gốc hình thành rừng	Diện tích chưa có rừng (ha)	Diện tích rừng không thuộc đối tượng CMĐSDR (ha)	Địa điểm
					Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng phòng hộ	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng				
5	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang (Giai đoạn 1)	Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh	11,91140	6,27278		5,75063		0,52215		Rừng trồng	5,63862		Xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy
6	Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới	Sở Công thương	0,20996	0,20996				0,20996		Rừng trồng			Xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới
7	Doanh trại Đoàn bộ và các đội sản xuất, Đoàn KTQP 92, Quân khu 4	Quân khu 4	21,76050	12,77600	0,21870	0,28940	0,56730	11,70060		Rừng trồng		8,98450	Xã Dân Hóa, Hóa Sơn, Thượng Hóa, Trọng Hóa, huyện Minh Hóa và xã Thanh Hóa, huyện Tuyên Hóa
8	Xây dựng đường dây 110kV, thuộc dự án Thủy điện La Trọng	Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh	1,04025	0,77727		0,45414		0,32313		Rừng trồng	0,03173	0,23125	Xã Hồng Hóa, Hóa Phúc, Hóa Thanh, Hóa Tiến, Trọng Hóa, huyện Minh Hóa; xã Lê Hóa và thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa

TT	Tên công trình/ dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị CMĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (ha)	Diện tích có rừng được chuyên MĐSDR (ha)	Loại rừng (ha)					Nguồn gốc hình thành rừng	Diện tích chưa có rừng (ha)	Diện tích rừng không thuộc đối tượng CMĐSDR (ha)	Địa điểm
					Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng phòng hộ	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng				
9	Khu đô thị mới Lý Nhân, huyện Bồ Trạch	Công ty TNHH Tập đoàn Vĩnh Hung	38,46561	5,11495		0,33757		4,77738		Rừng trồng	1,61210	31,73856	Xã Đại Trạch, huyện Bồ Trạch
10	Trang trại trồng tre lục trúc lấy măng	Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Đức Thành	25,89090	4,31947		4,24301		0,07646		Rừng trồng	21,57143		Xã Lý Trạch, Nam Trạch, huyện Bồ Trạch.
	Tổng		183,25959	89,65855	10,71185	19,28153	3,67709	26,16635	29,82173		52,64673	40,95431	